

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 12 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Hoa

Ông Lý Trung Hiếu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tiến Thành

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị C, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Triệu Tồn V, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2023, bản tự khai ngày 10/10/2023, biên bản hòa giải ngày 11/10/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đặng Thị C trình bày: Chị và anh Triệu Tồn V về chung sống với nhau từ năm 2015, đến ngày 22/11/2016 chị và anh V đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh V tại thôn M, xã Đ, huyện V khoảng hai năm thì làm nhà ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 9/2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, anh V không quan tâm đến gia đình, vợ con, anh V đi làm nhưng không đưa tiền cho chị để nuôi con, kinh tế vợ chồng không tập chung, tiền của ai người đó chi tiêu dẫn đến mâu thuẫn cãi nhau. Vợ chồng không thể nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn vì cứ nói với nhau được một, hai câu thì lại xảy ra cãi nhau, vợ

chồng cũng đã được hai bên gia đình tham gia góp ý nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị C và anh V có hai người con chung là Triệu T sinh ngày 12/11/2016 và Triệu A sinh ngày 03/6/2020. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con là Triệu A sinh ngày 03/6/2020 và giao con là Triệu T sinh ngày 12/11/2016 cho anh V nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Tại bản tự khai ngày 10/10/2023, biên bản hòa giải ngày 11/10/2023, bị đơn là anh Triệu Tồn V trình bày: Anh và chị C kết hôn ngày 22/11/2016, đăng ký tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn tự nguyện có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn M, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Trong cuộc sống vợ chồng không có gì mâu thuẫn lớn, mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu xuất phát từ những mâu thuẫn nhỏ nhất trong sinh hoạt dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng cãi nhau, còn việc anh không đưa tiền cho chị C để lo cho cuộc sống gia đình là do anh thu nhập thấp cũng chỉ đủ chi tiêu cho bản thân và một phần chăm lo cho con cái nên vợ chồng ai có tiền thì người đó chi tiêu. Nay chị C xin ly hôn, anh xác định tình cảm vẫn còn với chị C và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Nhưng nếu chị C cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh V và chị C có hai người con chung là Triệu T sinh ngày 12/11/2016 và Triệu A sinh ngày 03/6/2020. Nay vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai người con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền thụ lý vụ án tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); việc thụ lý, thông báo thụ lý vụ án đúng quy định tại các điều 191, 195 và khoản 1, 2 Điều 196 BLTTDS; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc giao nhận, xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định tại khoản 2 Điều 96 và các điều 97, 175, 177, 179 BLTTDS; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại các điều 208, 209, 210 và 211 BLTTDS; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 203, khoản 2 Điều 220 BLTTDS; việc chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn, chị Đặng Thị C đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn, anh Triệu Tồn V đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo, triệu tập nhưng không có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị C được ly hôn anh Triệu Tồn V; giao người con là Triệu A cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; giao người con là Triệu T cho anh Vượng trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con đối với anh Triệu Tồn V. Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự để các đương sự thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình và đã tiến hành hòa giải nhưng chị C và anh V không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị C và anh Triệu Tồn V kết hôn ngày 22/11/2016, đăng ký tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn chị C, anh V đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến tháng 9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa chị C và anh V không còn hợp nhau, vợ chồng không thống nhất về kinh tế, tiền của ai người đó chi tiêu, anh V không đưa tiền cho chị C để nuôi con dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng không thể nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn và cũng đã được gia đình tham gia khuyên bảo nhưng đều không có kết quả. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn và một mực xin ly hôn, còn anh V xác định vẫn còn tình cảm với chị C và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị C

ly hôn thì anh cũng đồng ý. Tòa án đã thông báo hòa giải lần thứ hai nhưng anh V không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải và không đến phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, qua đó thể hiện anh V thờ ơ không quan tâm gì đến việc vợ chồng đoàn tụ hay ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh V đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C đối với anh V, xử cho chị C được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị C và anh V có hai người con chung là Triệu T sinh ngày 12/11/2016 và Triệu A sinh ngày 03/6/2020. Nay vợ chồng ly hôn chị C và anh V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Chị C, anh V đều có đủ điều kiện để nuôi con nên giao cho chị C, anh V mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một người con. Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến nguyện vọng của người con từ đủ 7 tuổi trở lên là cháu Triệu T, cháu T có nguyện vọng mong muốn được ở với anh V. Vì vậy giao người con là Triệu T cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng và giao người con là Triệu A cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị C được ly hôn anh Triệu Tồn V.

2. Về việc nuôi con chung: Giao người con là Triệu A sinh ngày 03 tháng 6 năm 2020 cho chị Đặng Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao người con là Triệu T sinh ngày 12 tháng 11 năm 2016 cho anh Triệu Tồn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị C, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0001824 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, xác nhận chị C đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Đặng Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Triệu Tồn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã Đ, huyện V;
- Các đương sự (Chị C, anh V);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Việt Hà**